

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính mới được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị;

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn thành việc cấu hình thủ tục hành chính này trên phần mềm Dịch vụ công;

3. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (gửi qua mạng);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gửi qua mạng);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSVX.

**Phan Ngọc Thọ**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA**  
**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 468 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2019*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Tên VBQPPL quy định TTHC</b>
<b>1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung</b>				
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	25 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.</li> <li>- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.</li> </ul>
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		
3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	20 ngày làm việc		
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	25 ngày làm việc		
5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc		
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	35 ngày làm việc		
7	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	25 ngày làm việc		
8	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	20 ngày làm việc		
9	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		
10	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc		
11	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	20 ngày làm việc		
12	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20 ngày làm việc		

13	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc		
14	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	15 ngày làm việc		
15	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc		
16	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	25 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.
17	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		
18	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc		
19	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc		
<b>2. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh</b>				
20	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.
21	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	15 ngày làm việc		
22	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	
23	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở	15 ngày làm việc		Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
24	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	15 ngày làm việc		- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT

				ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
25	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	15 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
26	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập	30 ngày làm việc		Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
27	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập	30 ngày làm việc		Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2002 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
28	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	02 ngày làm việc		Thông tư số 17/2003/TT-BGD&ĐT ngày 28/4/2003 hướng dẫn Điều 3, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 22/11/2001 của Chính phủ.
29	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	02 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
30	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	02 ngày làm việc		Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.
31	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	05 ngày làm việc		
32	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	25 ngày làm việc		

33	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi	65 ngày làm việc	Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.
34	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi	63 ngày làm việc	Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.

### 3. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Lý do hủy bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung hủy bỏ
1.	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	Bãi bỏ TTHC số 26 tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thay thế Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012